

BÁO CÁO

Tổng quyết toán ngân sách nhà nước tỉnh Nam Định năm 2022

(Kèm theo Quyết định số: 2641/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh Nam Định)

A. THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tổng thu ngân sách nhà nước tỉnh Nam Định năm 2022 là: 23.618.307.437.098 đồng, phần ngân sách địa phương được điều hành là: 22.275.427.006.440 đồng, chi tiết các khoản thu như sau:

I. THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN: 7.753.137.288.811 đồng (đã bao gồm thu nội địa, thu xuất nhập khẩu) đạt 132% dự toán Trung ương giao, 117% dự toán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh; gồm:

1. Thu nội địa cân đối ngân sách: 7.025.828.407.415 đồng, đạt 133% dự toán Trung ương giao, tăng 17% so với dự toán tỉnh giao.

1.1. Có 15/17 khoản thu đạt và vượt dự toán theo Nghị quyết của HĐND tỉnh là:

- Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý: 297.507.384.241 đồng, đạt 110% dự toán.

- Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: 441.802.228.900 đồng, đạt 164% dự toán.

- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 940.616.901.384 đồng, đạt 113% dự toán.

- Lệ phí trước bạ: 438.223.251.770 đồng, đạt 133% dự toán.

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 31.642.073.249 đồng, đạt 186% dự toán.

- Thuế thu nhập cá nhân: 420.187.137.100 đồng, đạt 145% dự toán.

- Thu phí và lệ phí: 90.251.869.700 đồng, đạt 110% dự toán; bao gồm:

+ Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước trung ương thu: 26.625.199.291 đồng.

+ Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước địa phương thu: 63.626.670.409 đồng.

- Thu tiền sử dụng đất: 3.134.415.607.821 đồng, đạt 122% dự toán.

- Thu tiền cho thuê đất, mặt nước: 256.888.180.650 đồng, đạt 171% dự toán.

- Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước: 442.361.084 đồng.

- Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: 61.557.796.380 đồng.
- Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết: 39.600.246.637 đồng, đạt 110% dự toán.
- Thu từ hoa lợi công sản và quỹ đất công ích: 77.043.558.537 đồng, đạt 154% dự toán.
- Thu hồi vốn, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế: 39.577.341.048 đồng, đạt 264% dự toán.
- Thu khác ngân sách: 187.433.540.143 đồng, đạt 117% dự toán; bao gồm:
 - + Thu tiền phạt: 94.431.216.653 đồng; trong đó: Thu phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực ATGT: 34.104.472.219 đồng.
 - + Thu tịch thu: 9.551.880.939 đồng.
 - + Thu hồi các khoản chi năm trước: 13.436.420.545 đồng.
 - + Thu tiền cho thuê, bán tài sản khác: 1.864.537.000 đồng.
 - + Thu khác còn lại: 68.149.485.006 đồng.

1.2. Có 02/17 khoản thu không đạt dự toán, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 đến hoạt động sản xuất kinh doanh; ngoài ra do chính sách giảm 50% mức thuế Bảo vệ môi trường 09 tháng cuối năm 2022 theo Nghị quyết số 18/2022/UBTVQH15 ngày 23/03/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

- Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý: 33.800.632.197 đồng, đạt 94% dự toán.
- Thuế bảo vệ môi trường (Phí xăng dầu): 534.838.296.574 đồng, đạt 59% dự toán.

2. Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu: 699.119.867.028 đồng, đạt 117% dự toán.

3. Các khoản thu huy động, đóng góp: 28.189.014.368 đồng; bao gồm:

- Các khoản đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng: 3.833.042.025 đồng.
- Các khoản đóng góp khác: 24.355.972.343 đồng.

II. THU KẾT DƯ NĂM TRƯỚC: 5.757.044.693 đồng; bao gồm:

- Thu kết dư ngân sách tỉnh là: 2.272.176.301 đồng.
- Thu kết dư ngân sách huyện là: 1.511.244.578 đồng.
- Thu kết dư ngân sách xã là: 1.973.623.814 đồng.

III. THU CHUYỂN NGUỒN: 4.959.152.289.900 đồng, là những khoản chi thuộc nhiệm vụ năm 2021 chưa thực hiện hết, chuyển sang năm 2022 để chi, quyết toán theo chế độ quy định, gồm:

1. Ngân sách tỉnh là: 3.334.895.451.149 đồng, bao gồm:
 - Vốn đầu tư phát triển là: 1.209.866.672.374 đồng.
 - Kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi là: 25.723.184.000 đồng.
 - Kinh phí thực hiện hỗ trợ để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa là: 14.174.723.040 đồng.
 - Kinh phí thực hiện hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí là: 13.153.087.000 đồng.
 - Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em 3-5 tuổi là: 3.610.417.000 đồng.
 - Kinh phí thực hiện chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật là: 2.666.272.268 đồng.
 - Kinh phí thực hiện công tác quản lý, bảo trì đường bộ địa phương là: 5.478.782.769 đồng.
 - Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là: 236.448.000 đồng.
 - Kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội là: 232.225.000 đồng.
 - Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương cơ sở, bảo trợ xã hội, các chế độ chính sách là: 906.106.437.701 đồng.
 - Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng ngân sách nhà nước đảm bảo là: 213.574.214.461 đồng.
 - Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu Phát triển lâm nghiệp bền vững là: 6.930.000 đồng.
 - Kinh phí hỗ trợ thiệt hại do dịch tả lợn Châu Phi là: 2.338.000.000 đồng.
 - Kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý là: 940.704.000 đồng.
 - Kinh phí thực hiện chính sách phát triển thủy sản theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ là: 3.065.331.651 đồng.
 - Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ một lần sau đầu tư theo Nghị định số 17/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ: 9.189.600.000 đồng.
 - Kinh phí cho các Hội Văn học nghệ thuật địa phương, hỗ trợ tác phẩm báo chí chất lượng cao ở các Hội nhà báo địa phương là: 325.000.000 đồng.
 - Nguồn tăng thu, kinh phí giảm cấp sự nghiệp y tế, tiết kiệm chi thường xuyên ngân sách tỉnh là: 868.002.020.244 đồng.

- Nguồn kinh phí chi thường xuyên chưa thực hiện hết của các đơn vị sử dụng ngân sách: 56.205.401.641 đồng.

2. Ngân sách huyện là: 948.010.603.261 đồng.

3. Ngân sách xã là: 676.246.235.490 đồng.

IV. THU TỪ BỔ SUNG NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG:

10.445.830.793.226 đồng.

1. Bổ sung cân đối theo dự toán: 7.704.394.000.000 đồng, đạt 100% dự toán.

2. Bổ sung mục tiêu đã ghi dự toán đầu năm: 1.447.754.793.226 đồng; bao gồm:

2.1. Bổ sung có mục tiêu từ nguồn vốn trong nước: 1.432.988.000.000 đồng.

- Bổ sung mục tiêu vốn đầu tư xây dựng cơ bản: 1.374.623.000.000 đồng.

- Bổ sung mục tiêu vốn sự nghiệp: 58.365.000.000 đồng.

2.2. Bổ sung có mục tiêu từ vốn nước ngoài: 14.766.793.226 đồng; Trong đó:

- Dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP) tỉnh Nam Định: 6.434.000.000 đồng.

- Dự án tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai (Dự án VILG): 8.332.793.226 đồng.

3. Bổ sung có mục tiêu trong năm: 1.293.682.000.000 đồng; bao gồm:

- Bổ sung kinh phí phòng, chống dịch Covid-19 và hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19: 6.014.000.000 đồng.

- Bổ sung kinh phí chuẩn bị, tổ chức SEA Game 31 (lần 2): 477.000.000 đồng.

- Bổ sung kinh phí thực hiện Chương trình phát triển công tác xã hội và Chương trình trợ giúp xã hội đối với người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí tỉnh Nam Định: 200.000.000 đồng.

- Bổ sung kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2022: 29.496.000.000 đồng.

- Bổ sung vốn đầu tư thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022: 195.611.000.000 đồng.

- Bổ sung kinh phí thực hiện chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch Covid-19 năm 2020, 2021, 2022 và hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 năm 2021: 41.524.000.000 đồng.

- Bổ sung kinh phí hỗ trợ thực hiện diễn tập khu vực phòng thủ năm 2021: 12.070.000.000 đồng.

- Bổ sung có mục tiêu kinh phí sự nghiệp từ ngân sách Trung ương cho ngân sách địa phương năm 2022 để thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới: 42.340.000.000 đồng.

- Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương cho ngân sách địa phương: 500.000.000.000 đồng.

- Bổ sung kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2022: 1.733.000.000 đồng.

- Bổ sung kinh phí năm 2022 để thực hiện chương trình hỗ trợ sáng tạo văn học nghệ thuật, báo chí theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 08/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ: 652.000.000 đồng.

- Bổ sung kinh phí thực hiện chính sách tiền lương, an sinh xã hội năm 2021 và chính sách trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến được tặng Bằng khen: 463.565.000.000 đồng.

V. THU TỪ NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI NỘP LÊN: 449.589.392.162 đồng.

VI. THU VAY TỪ NGUỒN CHO VAY LẠI CỦA CHÍNH PHỦ: 4.840.628.306 đồng, trong đó:

- Dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP) tỉnh Nam Định: 2.757.430.000 đồng.

- Dự án tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai (Dự án VILG): 2.083.198.306 đồng.

B. CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tổng chi ngân sách địa phương năm 2022 là: 22.251.802.172.593 đồng. Chi tiết một số lĩnh vực chi lớn như sau:

I. CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN: 5.390.479.718.032 đồng, đạt 111% dự toán.

1. Khối tỉnh chi: 4.061.157.322.669 đồng, đạt 90% dự toán.

2. Khối huyện, xã chi: 1.329.322.395.363 đồng, đạt 372% dự toán, chủ yếu là chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh bổ sung trong năm.

II. CHI THƯỜNG XUYÊN: 8.276.719.516.322 đồng, đạt 88% dự toán;

chi tiết như sau:

1. Chi quốc phòng: 132.780.836.058 đồng, đạt 171% dự toán.
2. Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội: 102.204.654.034 đồng, đạt 83% dự toán.
3. Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo: 3.678.979.108.894 đồng, đạt 96% dự toán.
4. Chi sự nghiệp khoa học công nghệ: 25.720.686.300 đồng, đạt 93% dự toán.
5. Chi sự nghiệp y tế: 809.063.652.852 đồng, đạt 81% dự toán.
6. Chi sự nghiệp văn hóa thông tin: 75.201.644.896 đồng, đạt 104% dự toán.
7. Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình: 47.995.216.877 đồng, đạt 95% dự toán.
8. Chi sự nghiệp thể dục thể thao: 85.057.648.850 đồng, đạt 151% dự toán.
9. Chi sự nghiệp môi trường: 172.563.350.626 đồng, đạt 70% dự toán.
10. Chi sự nghiệp kinh tế: 666.608.956.762 đồng, đạt 50% dự toán.
11. Chi quản lý hành chính: 1.584.892.192.552 đồng, đạt 98% dự toán.
12. Chi đảm bảo xã hội: 833.657.672.371 đồng, đạt 93% dự toán.
13. Chi khác ngân sách: 61.993.895.250 đồng:
 - Ngân sách tỉnh: 35.439.107.500 đồng.
 - Ngân sách huyện, thành phố: 19.156.239.000 đồng.
 - Ngân sách xã, phường, thị trấn: 7.398.548.750 đồng.

III. CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH: 3.289.500.000 đồng, đạt 218% dự toán.

IV. CHI CHUYÊN NGUỒN: 7.838.006.063.590 đồng, là những khoản chi thuộc nhiệm vụ năm 2022 chưa thực hiện hết, chuyển sang năm 2023 để chi, quyết toán theo chế độ quy định, gồm:

1. Ngân sách tỉnh là: 6.319.538.590.856 đồng, bao gồm:
 - Vốn đầu tư phát triển là: 2.725.904.548.570 đồng.
 - Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương cơ sở, bảo trợ xã hội là: 1.160.470.538.808 đồng.
 - Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng ngân sách nhà nước đảm bảo là: 413.197.040.106 đồng.

- Kinh phí hỗ trợ thiệt hại do dịch tả lợn Châu Phi là: 2.338.000.000 đồng.

- Nguồn tăng thu, kinh phí giảm cấp sự nghiệp y tế, tiết kiệm chi thường xuyên ngân sách tỉnh là: 1.993.444.592.065 đồng.

- Kinh phí các Chương trình mục tiêu quốc gia phân bổ tại Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH15 được phép kéo dài theo Nghị quyết số 69/2022/QH15 là: 10.079.202.037 đồng.

- Nguồn kinh phí chi thường xuyên chưa thực hiện hết của các đơn vị sử dụng ngân sách: 14.104.669.270 đồng.

2. Ngân sách huyện là: 1.067.560.027.393 đồng.

3. Ngân sách xã là: 450.907.445.341 đồng.

V. CHI TRẢ NỢ GỐC: 23.643.772.777 đồng; cụ thể như sau:

- Dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP) tỉnh Nam Định: 2.171.982.350 đồng.

- Dự án tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai (Dự án VILG): 1.236.390.900 đồng.

- Dự án Nâng cấp hạ tầng thuỷ lợi huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định: 775.399.527 đồng.

- Trả nợ vay dự án Cấp nước và vệ sinh nông thôn đồng bằng sông Hồng là 18.460.000.000 đồng.

- Trả nợ vay dự án Xử lý rác thải Nam Định là 1.000.000.000 đồng.

VI. CHI TRẢ NỢ LÃI VAY THEO QUY ĐỊNH: 1.092.291.222 đồng, trong đó:

- Dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP) tỉnh Nam Định: 625.629.668 đồng.

- Dự án tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai (Dự án VILG): 66.894.084 đồng.

- Dự án Nâng cấp hạ tầng thuỷ lợi huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định: 399.767.470 đồng.

VII. CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA: 211.819.855.034 đồng; bao gồm:

1. Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 6.099.636.380 đồng.

2. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 205.720.218.654 đồng.

VIII. CHI MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG:

57.162.063.454 đồng.

IX. CHI NỘP TRẢ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN:

449.589.392.162 đồng.

C. KẾT DƯ NGÂN SÁCH:

1. Tổng thu ngân sách nhà nước tỉnh Nam Định năm 2022 là: 23.618.307.437.098 đồng, phần ngân sách địa phương được điều hành là: 22.275.427.006.440 đồng.

2. Tổng chi ngân sách địa phương năm 2022 là: 22.251.802.172.593 đồng.

3. Kết dư ngân sách địa phương năm 2022 là: 23.624.833.847 đồng.

- Kết dư ngân sách tỉnh: 2.247.023.196 đồng.

- Kết dư ngân sách huyện, thành phố: 1.629.002.275 đồng.

- Kết dư ngân sách xã, phường, thị trấn: 19.748.808.376 đồng.

D. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÌNH HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH XEM XÉT PHÊ CHUẨN TỔNG QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022 CỦA TỈNH NHƯ SAU:

1. Tổng thu ngân sách nhà nước tỉnh Nam Định năm 2022 là: 23.618.307.437.098 đồng, phần ngân sách địa phương được điều hành là: 22.275.427.006.440 đồng.

2. Tổng chi ngân sách địa phương năm 2022 là: 22.251.802.172.593 đồng.

3. Kết dư ngân sách địa phương năm 2022 là: 23.624.833.847 đồng.

- Kết dư ngân sách tỉnh: 2.247.023.196 đồng.

- Kết dư ngân sách huyện, thành phố: 1.629.002.275 đồng.

- Kết dư ngân sách xã, phường, thị trấn: 19.748.808.376 đồng.

4. Xử lý kết dư ngân sách năm 2022 theo quy định của Luật Ngân sách:

a) Kết dư ngân sách tỉnh: 2.247.023.196 đồng.

- Bổ sung quỹ dự trữ tài chính bằng 50% số kết dư của ngân sách tỉnh là: 1.123.511.598 đồng.

- Chuyển vào thu ngân sách tỉnh năm 2023 là: 1.123.511.598 đồng.

b) Kết dư ngân sách huyện, thành phố: 1.629.002.275 đồng, được chuyển toàn bộ vào thu ngân sách huyện, thành phố năm 2023.

c) Kết dư ngân sách xã, phường, thị trấn là: 19.748.808.376 đồng, được chuyển toàn bộ vào thu ngân sách xã, phường, thị trấn năm 2023./.